

Phụ lục III

**DANH MỤC MỘT SỐ BỆNH ĐƯỢC SỬ DỤNG PHIẾU CHUYỂN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG MỘT NĂM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp	Mã ICD-10	Tình trạng, điều kiện
1.	Nhiễm nấm chromoblastomycosa (nấm màu) và áp xe do phaeomyces	B43	
2.	Các thiếu máu tan máu di truyền khác	D58	
3.	Suy tủy xương và các bệnh thiếu máu khác	Từ D62 đến D64	
4.	Đông máu nội mạch rải rác (hội chứng tiêu fibrin)	D65	
5.	Ban xuất huyết và các tình trạng xuất huyết khác	D69	Mạn tính, kéo dài
6.	Hội chứng thực bào tế bào máu liên quan đến nhiễm trùng	D76.2	
7.	Rối loạn thượng thận sinh dục	E25	
8.	Các rối loạn khác của tuyến thượng thận	E27	
9.	Rối loạn chuyển hóa sắt	E83.1	
10.	Bệnh lý võng mạc tăng sinh khác	H35.2	
11.	Thoái hóa hoàng điểm và cực sau	H35.3	
12.	Bệnh lý võng mạc do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung là .3†)	H36.0*	Đái tháo đường tăng sinh.
13.	Bệnh lý tăng huyết áp	I10	Có chỉ định phẫu thuật hoặc can thiệp hoặc giai đoạn nặng hoặc có từ 02 biến chứng.

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp	Mã ICD-10	Tình trạng, điều kiện
14.	Hen [suyễn]	J45	
15.	Cơn hen ác tính	J46	
16.	Viêm loét đại tràng chảy máu	K51	Bệnh lý tự miễn.
17.	Viêm da dạng herpes	L13.0	
18.	Vảy nến	L40	
19.	Á vảy nến	L41	
20.	Lupus ban đỏ	L93	
21.	Viêm mao mạch ở da, chưa phân loại ở phần khác	L95	
22.	Viêm khớp dạng thấp có tổn thương các tạng liên quan	M05.3†	
23.	Thoái hóa khớp háng	M16	Giai đoạn 3, giai đoạn 4
24.	Thoái hóa khớp gối	M17	Giai đoạn 3, giai đoạn 4
25.	Thoái hóa khớp cổ - bàn ngón tay cái	M18	Giai đoạn 3, giai đoạn 4
26.	Viêm da cơ	M33	
27.	Xơ cứng toàn thể	M34	
28.	Bệnh trượt đốt sống	M43.1	
29.	Thoái hóa cột sống	M47	Giai đoạn 3, giai đoạn 4
30.	Loãng xương do kém hấp thu sau phẫu thuật có kèm gãy xương bệnh lý	M80.3	
31.	Loãng xương do dùng thuốc có kèm gãy xương bệnh lý	M80.4	

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp	Mã ICD-10	Tình trạng, điều kiện
32.	Loãng xương tự phát có kèm gãy xương bệnh lý	M80.5	
33.	Hội chứng viêm cầu thận mạn	N03	
34.	Suy thận mãn tính	N18	
35.	Dị tật bẩm sinh khác về da	Q82	
36.	Hội chứng Prader Willi	Q87.11 (Áp mã theo ICD-10 của WHO cập nhật năm 2021)	
37.	Các bệnh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này từ STT số 01 đến STT số 105.	Theo mã ICD-10 tại Phụ lục II	Không áp dụng đối với các trường hợp sau đây: - Người bệnh đã được điều trị ổn định hoặc không có chỉ định điều trị đặc hiệu. - Bệnh thuộc tình trạng cấp cứu, cấp tính.

Ghi chú:

1. Các mã bệnh có 03 ký tự trong Phụ lục này bao gồm tất cả các mã bệnh chi tiết có 04 ký tự. Ví dụ: Mã B43 bao gồm các mã B43.0, B43.1, B43.2, B43.8, B43.9

2. Trường hợp có mã bệnh chi tiết đến 04 ký tự, khi xác định mã bệnh phải ghi rõ mã chi tiết 04 ký tự.